

Bản án số: 353/2023/DS-ST

Ngày: 15/8/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng

ủy quyền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhoán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLST-DS ngày 13/02/2023 về: “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2023/QĐXX-ST ngày 05/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu P, sinh năm 1984 và ông Ô Vĩnh T, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Đường X, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1959, địa chỉ: Đường L, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng Kim V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Anh D như sau:

Do mối quan hệ quen biết và tin tưởng vì bà Nguyễn Hoàng Kim V là giám đốc ngân hàng Vietbank chi nhánh Trần Nãi, tại số Đường N, phường B, Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức), bà V hứa sẽ làm thủ tục cho bà P và ông T vay tại ngân hàng Vietbank số tiền 29.500.000.000đ với lãi suất ưu đãi trong tháng 9/2021. Nên bà Phan Thị Thu P và ông Ô Vĩnh T đã ký ủy quyền cho bà

Nguyễn Hoàng Kim V 02 hợp đồng ủy quyền để làm thủ tục vay, cụ thể hợp đồng ủy quyền số 00002076, ngày 29/9/2021 và hợp đồng ủy quyền số 00002114 ngày 08/10/2021, tại Văn phòng công chứng Dương Thanh Tú, với nội dung Bên B (bà V) được quyền thay mặt và nhân danh bên A (bà P và ông T) quản lý, sử dụng, cho thuê, (thanh lý hợp đồng cho thuê), nhận đặt cọc, chuyển nhượng, tặng cho (hủy bỏ hợp đồng nhận đặt cọc, chuyển nhượng, tặng cho), thế chấp, giải trừ thế chấp, thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ cho bên thứ ba đối với: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: Xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 811478, số vào sổ cấp GCN CH05050 và thửa đất số 382, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: Xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH642168, số vào sổ cấp GCN CS12432, do bà P và ông T đứng tên. Đồng thời giao cho bà V giữ 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/10/2021, bà V và ông Lê Anh Tuấn viết giấy cam kết nếu không thể giải ngân được như đã hứa thì sẽ trả lại cho bà P và ông T 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy 02 hợp đồng ủy quyền nêu trên. Tuy nhiên, bà V đã không giải ngân cho bà P và ông T vay như đã hứa. Bà V đã trả lại cho bà P 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhưng chưa làm thủ tục hủy 02 hợp đồng ủy quyền trên cho bà P và ông T. Hiện tại, bà V đã bỏ đi đâu không rõ nên bà P và ông T không liên lạc được với bà V. Theo đơn khởi kiện bà Phan Thị Thu P và ông Ô Vĩnh T kiện bà Nguyễn Hoàng Kim V và ông Lê Anh Tuấn. Tuy nhiên, việc ký ủy quyền và hủy ủy quyền là việc của cá nhân bà V, không liên quan đến ông Tuấn nên bà P và ông T xác định lại chỉ kiện cá nhân bà Nguyễn Hoàng Kim V, không kiện ông Tuấn.

Bà P và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy 02 Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002076/HĐ-UQ, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2021 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002114/HĐ-UQ, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2021 tại Văn phòng Công chứng Dương Thanh Tú, Thành phố Hồ Chí Minh giữa vợ chồng bà Phan Thị Thu P, ông Ô Vĩnh T với bà Nguyễn Hoàng Kim V.

- Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 07, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì “*Nguyễn Hoàng Kim V, sinh năm 1988 có đăng ký HKTT tại Đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương, bỏ đi đâu không rõ*”. Căn cứ bản sao Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002076/HĐ-UQ ngày 24/9/2021 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002114/HĐ-UQ ngày 08/10/2021 do nguyên đơn cung cấp thì bà V khai địa chỉ là Đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bà Nguyễn Hoàng Kim V thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Do đó, căn cứ Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 thì nơi cư trú cuối cùng của bà Nguyễn Hoàng Kim V tại Đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng ủy quyền với bà Nguyễn Hoàng Kim V tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách đương sự và sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

- Về tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Hoàng Kim V và ông Lê Anh Tuấn là người bị nguyên đơn khởi kiện nên được xác định là bị đơn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định lại chỉ kiện cá nhân bà Nguyễn Hoàng Kim V nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định: Bà Phan Thị Thu P và ông Ô Vĩnh T là nguyên đơn; bà Nguyễn Hoàng Kim V là bị đơn, trong vụ án này nguyên đơn rút lại không kiện ông Lê Anh T và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Tuấn nên Hội đồng xét xử không đưa ông Lê Anh T vào với tư cách là bị đơn cũng như là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn bà Nguyễn Hoàng Kim V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định bà Phan Thị Thu P và ông Ô Vĩnh T với bà Nguyễn Hoàng Kim V có ký kết với nhau 02 hợp đồng ủy quyền đề ngày 24/9/2021 và ngày 08/10/2021. Căn cứ vào

Điều 3 của hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002076/HĐ-UQ ngày 24/9/2021 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002114/HĐ-UQ ngày 08/10/2021 thì xác định là hợp đồng ủy quyền không có thù lao theo quy định tại khoản 2 Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ giấy cam kết ngày 07/10/2021 của bà Nguyễn Hoàng Kim V có nội dung "...do việc giải ngân của hợp đồng vay rất khó khăn, do vậy tôi cam đoan sẽ hoàn trả lại cho anh Thanh, chị Phượng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH642168 và BA 811478 và tự nguyện hủy 02 hợp đồng công chứng nêu trên trước ngày 27/10/2021 tại phòng công chứng Dương Anh Tú..." Nội dung này thể hiện bà P và ông T đã yêu cầu bằng miệng yêu cầu bà V hủy ủy quyền của 02 hợp đồng ủy quyền nêu trên. Và căn cứ vào thông báo về yêu cầu hủy ủy quyền số 03/2023/TB-HHĐUQ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu hủy 02 Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002076/HĐ-UQ, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2021 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00002114/HĐ-UQ, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2021 tại Văn phòng Công chứng Dương Thanh Tú, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Phan Thị Thu P, ông Ô Vĩnh T với bà Nguyễn Hoàng Kim V là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 566, khoản 2 Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng;

Hoàn lại cho bà Phan Thị Thu P và ông Ô Vĩnh T tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007850 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 566, Điều 569 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố hủy Hợp đồng ủy quyền số 00002076/HĐ-UQ, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2021 và Hợp đồng ủy quyền số 00002114/HĐ-UQ, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2021 tại Văn phòng Công chứng Dương Thanh Tú, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Phan Thị Thu P, ông Ô Vĩnh T với bà Nguyễn Hoàng Kim V.

2. Về án phí sơ thẩm:

Hoàn lại cho Bà Phan Thị Thu P và ông Ô Vĩnh T tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 000007850 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn Bà Nguyễn Hoàng Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Phan Thị Thu P và ông Ô Vĩnh T kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Hoàng Kim V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhoán

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhoán